



TẠP CHÍ

KHOA HỌC XÃ HỘI MIỀN TRUNG

Central Vietnamese Review of Social Sciences

Số: **04** (85) 2024

ISSN 1859-2635

**VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VÙNG TRUNG BỘ**

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

TỔNG BIÊN TẬP

TS. Trần Minh Đức

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

PGS.TS. Bùi Đức Hùng (Chủ tịch)

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

TS. Hoàng Hồng Hiệp

Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ

GS.TS. Nguyễn Xuân Thắng

Ủy viên Bộ Chính trị

Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh

GS.TS. Nguyễn Chí Bền

Viện Văn hoá Nghệ thuật Việt Nam

GS.TS. Trần Thọ Đạt

Trường Đại học Kinh tế Quốc dân

GS.TS. Phạm Văn Đức

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Nguyễn Xuân Kính

Viện Nghiên cứu Văn hoá

GS.TS. Eric Iksoon Im

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Đỗ Hoài Nam

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Vũ Băng Tâm

University of Hawaii – Hilo, Hoa Kỳ

GS.TS. Nguyễn Quang Thuần

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

GS.TS. Trần Đăng Xuyên

Trường Đại học Sư phạm Hà Nội

BAN BIÊN TẬP

ThS. Châu Ngọc Hoè

ThS. Lưu Thị Diệu Hiền

ThS. Nguyễn Thị Thanh Thủy

CVRSS

Tạp chí Khoa học xã hội miền Trung

ISSN 1859 – 2635

Tạp chí ra 3 tháng 1 kỳ

Số 04 năm 2024

Năm thứ mười bảy

Mục lục

- Bàn về giải quyết tranh chấp phát sinh từ hoạt động thương mại khi nguyên đơn khởi kiện chưa có thoả thuận trọng tài 3
Trần Minh Đức, Nguyễn Vĩnh Phú
- Phân quyền trong quản lý nhà nước ở một số quốc gia và kinh nghiệm cho Việt Nam 11
Nguyễn Trung Hậu, Đặng Thu Thủy
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam thích ứng với cơ chế điều chỉnh Biên giới Carbon.... 19
Bùi Quang Tuấn, Trần Thị Hoa Thơm
- Chính sách về bình đẳng, bao trùm cho người yếu thế trong quá trình chuyển đổi xanh.....29
Trần Thị Hoàng Ngân, Đỗ Thu Trang, Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Bùi Kiều Anh
- Ảnh hưởng tương tác giữa đổi mới công nghệ và chất lượng thể chế đến tăng trưởng kinh tế ở các nước ASEAN..... 41
Đoàn Ngọc Phúc
- Nghiên cứu tác động của tài chính công đoàn đến đảm bảo an sinh xã hội cho người lao động tại doanh nghiệp ở Việt Nam 51
Bùi Minh Chuyên
- Khó khăn và thuận lợi trong tiếp cận vốn tín dụng chính thức của phụ nữ làm chủ doanh nghiệp nhỏ và vừa..... 61
Phan Thị Hoàn
- Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại điện tử, kinh doanh trên nền tảng số tại tỉnh Thừa Thiên Huế -Thực trạng và một số vấn đề đặt ra hiện nay..... 71
Trương Thùy Hương
- Tác động của cảm xúc hoài niệm đến ý định quay lại điểm đến du lịch: Trường hợp thành phố Huế 80
Nguyễn Thị Thanh Thảo, Dương Thị Dung Hạnh, Nguyễn Hữu Tuệ Tĩnh
- Ảnh hưởng của nhân tố sản xuất đến tăng trưởng kinh tế khu vực dịch vụ thành phố Đà Nẵng 93
Phạm Quang Tín
- Tăng trưởng kinh tế và đóng góp các ngành, các thành phần kinh tế vào tăng trưởng kinh tế tỉnh Phú Yên..... 104
Lê Công Hường
- Công bằng tổ chức, tính hững hờ tập thể và lòng trung thành nhân viên - nghiên cứu tại thành phố Hồ Chí Minh..... 114
Vũ Bá Thành, Ngô Văn Toàn
- Biến đổi văn hóa tại các làng nghề truyền thống của Hội An dưới tác động của du lịch..... 127
Võ Hữu Hòa
- Quan điểm về “bát mục” trong triết học của Khổng Tử..... 137
Võ Văn Dũng
- Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu 144
Phan Thúy Hằng

Giấy phép xuất bản số 81/GP-BTTTT cấp ngày 01 tháng 04 năm 2024

Chế bản điện tử tại Viện Khoa học xã hội vùng Trung Bộ; In 100 cuốn khổ 19 x 27cm; Số 04 năm 2024.

In tại Công ty TNHH in Trùng Khoa, số 28 đường Nguyễn Chí Thanh, phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam. Nộp lưu chiểu tháng 12/2024.

CVRSS

Central Vietnamese Review of Social Sciences

ISSN 1859 – 2635

Quarterly Review

No. 04, 2024

The 17th Year

Contents

1. Discussing the resolution of disputes arising from commercial activities when the plaintiff files a lawsuit without an arbitration agreement**3**
Tran Minh Duc, Nguyen Vinh Phu
 2. Decentralization in state management in some countries and lessons for Vietnam..... **11**
Nguyen Trung Hau, Dang Thu Thuy
 3. Policies to support Vietnamese businesses in adapting to the Carbon Border adjustment mechanism.....**19**
Bui Quang Tuan, Tran Thi Hoa Thom
 4. Equality and inclusion policies for disadvantaged people in green transformation**29**
Tran Thi Hoang Ngan, Do Thu Trang, Nguyen Thi My Hanh, Bui Kieu Anh
 5. The interaction effect between technological innovation and institutional quality on economic growth in ASEAN countries.....**41**
Doan Ngoc Phuc
 6. The impact of trade union finance on ensuring social security for employees in Vietnamese enterprises**51**
Bui Minh Chuyen
 7. Difficulties and advantages in accessing formal credit capital for women-owned small and medium enterprises**61**
Phan Thi Hoan
 8. Tax Management for E-Commerce and Digital Platform Based Business Activities in Thua Thien Hue Province - Current Situation and Emerging Issues.....**71**
Truong Thuy Huong
 9. The impact of nostalgic emotions on revisit intention to tourist destination: The case of Hue city.....**80**
Nguyen Thi Thanh Thao, Duong Thi Dung Hanh, Nguyen Huu Tue Tinh
 10. Influence of production factors on economic growth in the service sector of Da Nang city ..**93**
Pham Quang Tin
 11. Economic growth and the contribution of sectors and economic components to the economic development of Phu Yen province.**104**
Le Cong Huong
 12. Organizational justice, social loafing, and employee loyalty: A study in Ho Chi Minh city... **114**
Vu Ba Thanh, Ngo Van Toan
 13. Cultural changes in traditional craft villages of Hoi An under the impact of tourism.....**127**
Vo Huu Hoa
 14. The concept of "eight steps" in Confucius' philosophy..... **137**
Vo Van Dung
 15. The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works.....**144**
Phan Thuy Hang
-

Ảnh hưởng nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

Phan Thúy Hằng

Trường Đại học Khánh Hòa

Email: phanthuyhang@ukh.edu.vn

Tóm tắt: Nguyễn Đình Chiểu là một nhà thơ - nhà văn lớn của dân tộc, đóng góp nhiều tác phẩm có giá trị vào kho tàng văn học Việt Nam. Sự nghiệp sáng tác của ông chia làm hai giai đoạn trước và sau khi thực dân Pháp xâm lược. Ở giai đoạn đầu, nội dung thơ văn đều nhằm mục đích truyền bá đạo lý làm người. Giai đoạn sau, thơ văn của ông là lá cờ đầu của văn thơ yêu nước chống Pháp. Tư tưởng cơ bản trong thơ văn đồ Chiểu là “chở đạo đằm gian”, điều này nhất quan trọng cả cuộc đời sáng tác của ông. Trong giới hạn bài viết, bằng phương pháp thông kê, phân tích ngữ liệu tiêu biểu, chúng tôi mong muốn đi sâu làm rõ những ảnh hưởng của nho giáo trong nội dung sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, cụ thể là quan niệm trung – hiếu và nhân nghĩa.

Từ khóa: Ảnh hưởng; Nhân nghĩa; Nho giáo; Nội dung; Trung – hiếu

The influence of Confucianism in Nguyen Dinh Chieu's creative works

Abstract: Nguyen Dinh Chieu is a great poet and writer of the nation, having made significant contributions to the Vietnamese literary canon. His creative career is divided into two phases: before and after the French colonial invasion. In the earlier phase, the content of his poetry was aimed at promoting moral principles. In the later phase, his poetry became a prominent example of patriotic poetry against the French. The core ideology in his works, “to uphold virtue and fight against evil”, is central to his creative philosophy throughout his career. Within the scope of the article, using typical statistical and linguistic analysis methods, we aim to clarify the influence of Confucianism on the content of Nguyen Dinh Chieu's compositions, specifically the concept of loyalty - filial piety and humanity.

Keywords: Influence; Confucianism; creative workds; Loyal – filial piety; Humanity.

Ngày nhận bài: 01/10/2024; **Ngày phản biện:** 10/10/2024; **Ngày duyệt đăng:** 20/11/2024

1. Đặt vấn đề

Nho giáo được sáng lập bởi Khổng Tử (551 - 479 tr.CN). Mục đích cao nhất của nho giáo là nhằm hướng tới xây dựng một xã hội ổn định với chủ trương “Nhân trị” hoặc “Đức trị”. Nho giáo vì thế trở thành học thuyết mang màu sắc đạo đức. Hai vấn đề nổi bật trong tư tưởng Nho giáo của Khổng Tử là quan điểm chính trị và lí tưởng tu thân. Về quan điểm chính trị, ông đề cao chủ trương “Nhân trị”- cai trị bằng tình người và thuyết “Chính danh”- tức là sự vật phải ứng với tên gọi, mỗi người phải làm đúng chức phận của mình. Về lí tưởng tu thân, Khổng Tử đặc biệt chú trọng đến việc tu dưỡng đạo đức, rèn luyện nhân cách và tri thức. Nho giáo không chỉ là học thuyết để các triều đại phong kiến áp dụng trong chính sách cai trị mà còn là hệ tư tưởng đạo đức luân lí, do đã đề cập một cách tương đối hệ thống, toàn diện và chặt chẽ những phương châm tư tưởng đạo đức con người. Đó mới là lí do quan trọng để đưa học thuyết này có sức sống và ảnh hưởng một cách lâu dài, rộng lớn không chỉ ở Trung Quốc mà còn ảnh hưởng đến một khu vực rộng lớn, đặc biệt là vùng Đông Á, trong đó có Việt Nam. Nho giáo xâm nhập vào Việt Nam cùng với quá trình xâm lược và cai trị của nhà Hán từ trước Công nguyên cho đến khi dân tộc ta giành lại nền độc lập vào năm 939. Nó được du nhập có chủ ý cùng với văn hóa Trung Quốc với mưu đồ thay thế nền văn hóa bản địa. Tuy nhiên, hơn mười thế kỉ thống trị cho đến khi dân ta giành độc lập, Nho giáo vẫn không thể chiếm được địa vị độc tôn. Nho giáo được du nhập và ảnh hưởng vào nước ta còn do nhu cầu của việc xây dựng

một nhà nước phong kiến Việt Nam độc lập. Điều này được đặt ra như là một nhu cầu tất yếu trước thử thách của lịch sử, khi dân tộc đã trải qua hơn một thiên niên kỉ bị đô hộ và có nguy cơ bị đồng hóa. Việc lựa chọn Nho giáo cũng nói lên một nét của bản lĩnh dân tộc. Đúng như Trình Hoài Đức nhận xét: “Dân tộc ta có tinh thần kiên cường chống sự xâm lược của Trung Quốc, có tâm lí ghét Tàu nhưng đối với văn hóa Hán, lúc bây giờ thích hợp với sự phát triển của mình, thì sẵn sàng tiếp nhận, không bài xích” (2019, tr.247). Như vậy, chính sức mạnh của nền văn hóa dân tộc và nhu cầu của sự phát triển mới là nguyên nhân và điều kiện để cho nước ta tiếp nhận và làm Nho giáo phát huy ảnh hưởng sâu rộng, trong các triều đại từ thời Đinh, Tiền, Lê Lý bên cạnh Phật giáo và Đạo giáo không chỉ trong đời sống mà cả trong văn học.

Văn học Việt Nam hình thành cùng với quá trình dựng nước và giữ nước của dân tộc. Vì vậy, có thể nói văn học là tấm gương phản ánh đời sống một cách chân thực nhất. Vùng đất Nam bộ có một lịch sử hình thành và phát triển thống nhất với truyền thống lịch sử - văn hóa của dân tộc. Tuy nhiên điểm đáng lưu ý là trong lúc Nho giáo dường như đang trên đà khủng hoảng thì ở Nam bộ lại được phục hưng. Nho giáo được tiếp nhận với tinh thần tích cực, lạc quan của một vùng đất mới đang dồi dào sinh lực phát triển. Những nhà nho ở Nam bộ, đại biểu của tinh thần Nho giáo đã hấp thụ được luồng sinh khí của vùng đất mới này. Trong *Gia Định thành thông chí*, nhà nho Trình Hoài Đức đã nhận xét về con người Nam Bộ: “Con người chuộng tiết nghĩa, học thì theo Ngũ kinh, Tứ thư, thông giám, sâu sắc ở cái học nghĩa lí cùng cái học văn chương đều tốt đẹp mà văn mới trỗi dậy” (2019, tr.358). Nho giáo ở Nam bộ không chỉ được quan tâm nhiều ở bình diện đạo đức mà còn được lựa chọn, phát huy những nhân tố phù hợp với những đặc điểm tính cách của con người nơi đây. Với những tư tưởng cốt lõi tốt đẹp, nho giáo không chỉ ảnh hưởng trong đời sống mà còn tác động sâu sắc vào lí tưởng của các nhà văn, nhà thơ đương thời, trong đó có Nguyễn Đình Chiểu. Trong các sáng tác của ông, chúng ta dễ dàng nhận ra dấu ấn đậm nét của tinh thần nho giáo, đặc biệt quan niệm trung – hiếu, nhân nghĩa, như: *Lục Vân Tiên*, *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Mười hai bài thơ và bài Văn tế Trương Định*, *Mười bài thơ điệu Phan Tông*, *Văn tế nghĩa sĩ trận vong lục tỉnh*, *Dương Tử Hà Mậu*, *Ngư Tiều y thuật vấn đáp*...

2. Trung - hiếu, một trong những quan niệm xuyên suốt trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

Trung – hiếu là những khái niệm quen thuộc trong kinh điển Nho giáo. Đến Tống nho điều này được coi là những khái niệm quan trọng, đứng đầu trong tứ đức “trung, hiếu, tiết, nghĩa”. Các nhà nho Việt Nam học kinh điển qua hệ thống sách vở của Hán nho, đặc biệt là Tống nho, nên chắc chắn những khái niệm này thâm nhập khá sâu vào đầu óc của họ. Mở đầu tác phẩm *Lục Vân Tiên* Nguyễn Đình Chiểu cũng tuân theo tư tưởng này: “Trai thời trung hiếu làm đầu/ Gái thời tiết hạnh là câu trau mình” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Quan niệm “trung – hiếu” cũng có cơ sở từ tư tưởng Khổng Mạnh. Điều này đã được Khổng Tử đề cập đến trong “Luận ngữ” – một bộ kinh điển đứng đầu trong “Tứ thư”, Khổng Tử trực tiếp nói đến khái niệm “trung” hay “hiếu” không nhiều; trong đó khái niệm “hiếu” được ông chú ý nhiều hơn. Về “trung”, có một trường hợp tiêu biểu khi trả lời Định Công (vua nước Lỗ), Khổng Tử đáp rằng: “Vua khiến bề tôi phải giữ lễ, bề tôi thờ vua phải trung” (Quân sử thần dĩ lễ, thần sử quân dĩ trung) (Nguyễn Hiến Lê, 1995, tr.65). Ở đây quan hệ vua – tôi là quan hệ hai chiều, có sự ràng buộc, tác động qua lại lẫn nhau. Quan niệm trung quân của Khổng Tử rộng rãi hơn quan niệm của Nho giáo sau này. Theo ông, giúp dân, giúp nước, điều đó quan trọng hơn là giữ tiết với vua. Sau này Mạnh Tử tiếp tục phát triển quan điểm khá tiến bộ và dân chủ trên đây của Khổng Tử. Mạnh Tử có một luận điểm từng được nhiều nhà Nho nhắc nhở: “(Trong nước), dân là quý trọng hơn hết, kể đến là xã tắc, còn ngôi vua là nhẹ hơn hết (trong ba điều ấy)”.

Quan niệm về chữ “hiếu” được Khổng Tử nói đến nhiều hơn nhưng điều đáng lưu ý là triết lí đạo đức của Nho giáo từ rất sớm đã đặt ra có hệ thống quan hệ ứng xử của con người

mà gần gũi nhất là quan hệ gia đình. Trong quan hệ đó, chữ “hiếu” có một ý nghĩa lớn lao, là khởi đầu cho quan niệm tu thân của con người. Ở một số khía cạnh tích cực, quan niệm về “hiếu” của Khổng Tử đã góp phần đáng kể trong việc tu dưỡng đạo lí làm người, bắt đầu từ tình cảm, trách nhiệm đối với cha mẹ, với người thân. Điều này có một ý nghĩa quan trọng trong truyền thống văn hóa theo nông nghiệp ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam – nơi mà tổ chức và mối quan hệ gia đình đóng một vai trò lớn trong đời sống.

Nếu điếm qua hầu hết các tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu, gần như đều bắt gặp những hình ảnh, những chi tiết liên quan đến quan niệm “trung – hiếu”. Trong các truyện Nôm của ông đều có hình ảnh ông vua, có nhắc đến quan hệ cha con, vợ chồng, anh em... Đến những tác phẩm tiêu biểu được viết trong giai đoạn đất nước bị xâm lược, tư tưởng “trung – hiếu” vẫn được nhắc lại nhiều lần. Sự xuất hiện phổ biến những chi tiết, hình ảnh trên chứng tỏ nhà thơ bị chi phối khá nặng tư tưởng “trung – hiếu” hoặc “trung – quân” trong sách vở Nho giáo trước và ngay trong lúc sáng tác: “Vua tôi, chồng vợ, cha con/ Anh em, bầu bạn vuông tròn mới xong” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016).

Đề cập lại khái niệm “trung – hiếu”, Nguyễn Đình Chiểu có khuynh hướng quay về với quan niệm của Khổng – Mạnh. Trong tác phẩm của mình, mỗi khi nhắc đến giáo lí nhà Nho, Nguyễn Đình Chiểu hết sức đề cao Khổng Tử. Trong tác phẩm “Dương Tử - Hà Mậu”, nhà thơ đã tưởng tượng ra một thế giới kì vĩ trên thiên đường, ở đó Khổng Tử đang ngồi ở vị trí vinh quang tối thượng: “Ngồi trong kiệu bạc tán vàng/ Một ông Khổng Tử dung nhan hòa lành” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Ông hết sức tán dương đạo lí của Khổng tử: “Cho hay muôn nước đều thờ/ Đạo ông Khổng Tử làm bờ chận dân” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016); đề cao vai trò đặt nền tảng cho đạo “trung – hiếu”: “Hai chữ cương thường dẫn các nước/ Một câu trung hiếu vững muôn nhà”. Như vậy, việc trở lại với tinh thần Nho giáo nguyên thủy được xem là dấu hiệu quan trọng cho sự chọn lọc những nhân tố tích cực khi tiếp tiếp nhận quan niệm “trung – hiếu” nói riêng và tư tưởng Nho giáo nói chung của Nguyễn Đình Chiểu. Học những cái gì, phát huy điều nào, đó cũng là tinh thần sáng tạo.

Nguyễn Đình Chiểu thường sử dụng kết hợp hai khái niệm “trung” và “hiếu”. Ở điểm này chứng tỏ ông không chỉ tiếp thu chọn lọc từ giáo lí Khổng - Mạnh mà còn kế thừa truyền thống của những nhà nho đi trước trong cách tiếp cận các khái niệm, phạm trù của Nho giáo. Nguyễn Trãi, nhà nho tiêu biểu của dân tộc thế kỉ XV cũng đã nhiều lần đề cập đến khái niệm “trung – hiếu” trong thơ văn của mình: “Tôi người thì một lòng trung hiếu”; “Tôi người hết lòng trung hiếu”; “Bui có một lòng trung lẫn hiếu”; “Bui có một lòng trung hiếu cũ; Chẳng nằm thức dậy nẻo canh ba”... Trong tác phẩm “Lục Vân Tiên”, tình cảm của chàng Vân Tiên đối với cha mẹ thể hiện một cách chân thành, xúc động, hoàn toàn gần gũi với tình cảm đạo lí vốn có của mọi người: “Nên hư chút phận chi sỡn/ Nhớ câu dưỡng dục lo ơn sinh thành” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Ngay cả khi đề cập đến chữ “hiếu”, Nguyễn Đình Chiểu không ít lần nhắc đến những khái niệm, những điển tích từ sách vở Nho giáo, nhưng giọng điệu tình cảm của nhà thơ vẫn đóng một vai trò chủ đạo: “Thương thay chín chữ cù lao/ Ba năm nhũ bộ biết bao nhiêu tình” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Ngoài việc vận dụng một cách uyển chuyển trên, Nguyễn Đình Chiểu còn làm cho khái niệm “trung” trở nên linh hoạt bằng cách mở rộng nội hàm khái niệm. Theo Nho giáo truyền thống, “trung” hiển nhiên gắn với “trung quân”. Nguyễn Đình Chiểu cũng chưa vượt ra ngoài khuôn khổ đó. Ông không thể vượt qua thời đại trong hệ ý thức. Xã hội trong tầm nhận thức của nhà thơ không thể vắng ngôi vua. Hầu như trong tất cả các sáng tác của ông đều có bóng dáng một ông vua hay có liên quan đến quan niệm trung quân. Điều đáng chú ý là tất cả các nhân vật “vua” mà Nguyễn Đình Chiểu xây dựng trong tác phẩm thường theo quan niệm lý tưởng. Đúng như Vũ Khiêu và cộng sự nhận xét: “Tóm lại, cái đạo trung quân của Nguyễn Đình Chiểu là có điều kiện chứ không phải là một thứ trung quân mù quáng. Bởi vì đối tượng trung ở đây phải là một ông vua tài đức có ích cho dân cho nước. Chính điều đó đã nói lên được nguyện vọng thờ vua của người nông dân Việt Nam sống dưới chế độ phong kiến.

Nguyện vọng ấy mang tính chất phổ biến, và do đó được phản ánh qua những hình tượng sinh động trong các truyện Nôm bình dân xuất hiện ở nước ta vào các thế kỉ XVIII và XIX" (Vũ Khiêu và nnk., 1982, tr.59). Điều quan trọng nhất đó là quan niệm "trung quân" mà Nguyễn Đình Chiểu hiểu được từ sách vở Nho giáo đã được tiếp biến do sự tác động, chi phối mạnh mẽ bởi mô hình xã hội lý tưởng theo quan niệm của người bình dân đã được phổ biến trong đời sống văn hóa, đặc biệt trong các sáng tác của dân gian hoặc được dân gian hóa.

Chính xuất phát từ hiện thực nên ngòi bút của Nguyễn Đình Chiểu luôn luôn bám sát những tâm tư tình cảm của nhân dân, luôn luôn vận động theo những biến động nhanh chóng và dữ dội của lịch sử. Và chính sự vận động này đã làm thay đổi dần những nội dung của quan niệm "trung quân" trong sáng tác của ông. Trước nạn ngoại xâm, trong cơn thử thách quyết liệt của lịch sử, triều đình phong kiến nhà Nguyễn đã phơi bày bộ mặt tiêu cực trong việc gánh vai trò lịch sử và trách nhiệm đối với nhân dân. Niềm tin vốn có của nhân dân Nam bộ đối với triều đình nhà Nguyễn bắt đầu đổ vỡ. Nguyễn Đình Chiểu nhận ra điều đó sớm hơn so với các nhà nho khác nhờ mối quan hệ đặc biệt với nhân dân. Trong hệ ý thức, ông chưa phủ nhận vai trò của triều Nguyễn, nhưng sự chi phối của thực tiễn cuộc sống tỏ ra có sức mạnh lấn át. Đến đây, lý tưởng "trung hiếu" biến thành lý tưởng cứu nước cứu dân. Hành động cao nhất là hành động cứu nước, là chiến đấu bạo vệ nền độc lập. Ông đã gọi những hành động đó, những con người đó là "trung nghĩa". Trong các tác phẩm của ông, khái niệm "trung nghĩa" được sử dụng nhiều hơn khái niệm "trung quân". Viết về người anh hùng Trương Định: "Lời nguyện trung nghĩa há làm thính"; "Cuộc trung nghĩa hai năm làm đại tướng, Nhọc nhằn vì nước nào sồn tiếng thị phi" (*Thơ điếu Trương Định*). Đối với Phan Tôn, ông gọi: "Làm người trung nghĩa đáng bia son/ Đứng giữa càn khôn tiếng chẳng mòn" (*Thơ điếu Phan Tôn*). Đối với những người nông dân nghĩa binh ra trận thì: "Nhớ các linh xưa: tiến đồn trung nghĩa đến xa..." (*Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh*).

Tóm lại, chữ "trung" tập trung biểu lộ ý chí kiên cường, quyết tâm sắt đá trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm. Việc Nguyễn Đình Chiểu sử dụng chữ nghĩa đã có cũng chỉ để phản ánh một hiện thực, tinh thần kiên quyết, cốt cách cứng cỏi và bộc trực của người dân Nam Bộ trong cuộc đấu tranh của cả dân tộc lúc bấy giờ. Nói một cách khái quát, tất cả các sử dụng từ ngữ ở đây để thể hiện một nội dung lớn: Tinh thần yêu nước – một trong những giá trị tinh thần truyền thống nổi bật nhất của dân tộc ta. Đến đây, quan niệm "trung hiếu" đã hòa làm một với tư tưởng yêu nước. Điều đó cũng có ý nghĩa là tư tưởng Nho giáo ở Nguyễn Đình Chiểu đã được tiếp biến để hòa nhập vào dòng ý thức tư tưởng tiên tiến nhất của thời đại ông.

3. Quan niệm nhân nghĩa trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu

Nguyễn Đình Chiểu đã đúc kết trong tác phẩm *Dương Tử - Hà Mậu*: "Nay ta lấy gốc mà phân/ Theo đường nhân nghĩa chi bằng đạo Nho" (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Không chỉ Nguyễn Đình Chiểu mà hầu như tất cả các nhà nho đều thấm nhuần điều đó. Nó đã được đúc kết trong sách vở kinh điển của nho giáo trải qua hàng nghìn năm ở Trung Quốc cũng như ở Việt Nam. "Nhân" và "Nghĩa" là hai khái niệm đứng đầu trong quan niệm về "ngũ thường", đó là nhân, nghĩa, lễ, trí, tín. Quan niệm "cương thường" là tư tưởng cốt lõi của Nho giáo nhằm quy định những quan hệ ứng xử trong xã hội và lý tưởng tu thân của nhà nho. Nhưng trải qua hàng nghìn năm tồn tại, điều này không còn xa lạ với hầu hết mọi người, kể cả những người chưa bao giờ cầm đến sách vở của nho gia. Những nội dung này đã phổ biến và ăn sâu vào trong đời sống văn hóa, trong tư tưởng, tình cảm của mọi người.

Người kế tục và phát huy xuất sắc tư tưởng của Khổng Tử là Mạnh Tử. Điểm đáng chú ý ở Mạnh Tử là việc nhấn mạnh khái niệm "nghĩa" và đi kèm với nó là "lễ". Trong sách "Mạnh Tử", ông đề cập nhiều đến "nghĩa". Đó là sự phát triển cụ thể hóa thêm những tư tưởng của Khổng Tử mà mục tiêu cuối cùng là để hoàn chỉnh học thuyết chính trị - đạo đức đặt tiêu chuẩn tu thân lên trước nhất đối với các nhà nho. Mạnh Tử đã phát biểu "Kể sĩ ở nơi nào? Ở

đức nhân vậy. Kẻ sĩ đi đường nào? Noi theo đức nghĩa vậy. Ở nơi đức nhân, noi theo đức nghĩa, sự nghiệp của bậc đại nhân đã được đầy đủ rồi". Cuối cùng điểm mấu chốt trong của tư tưởng "nhân - nghĩa - lễ" của Mạnh Tử là nhấn mạnh ý thức trách nhiệm của kẻ sĩ, xác lập mô hình để xây dựng xã hội ổn định theo trật tự tôn ti của Nho giáo.

Nguyễn Đình Chiểu hẳn đã tiếp thu đầy đủ tinh thần Nho giáo nói chung và tư tưởng "tu thân" nói riêng từ sách vở thánh hiền. Tuy nhiên, qua sự thể hiện trong các hình ảnh, chi tiết, cách giải quyết vấn đề của các tác phẩm, chúng ta nhận thấy Nguyễn Đình Chiểu chỉ vận dụng ở một số khía cạnh mà xét ra là hẹp hơn về nội dung khái niệm nhưng lại thiết thực và mang tính phổ biến. Trong các tác phẩm của mình, ông ít đề cập đến "nhân" một cách riêng lẻ, chủ yếu tập trung vào mối quan hệ ứng xử giữa con người với con người trong cuộc sống đời thường. Đó là lòng yêu thương giữa con người với con người, đặc biệt trong những cảnh ngộ éo le vốn ít ai không gặp trong cuộc đời. Chẳng hạn Nguyễn Đình Chiểu đã tâm niệm khi làm thuốc để cứu người: "Thấy người đau giống mình đau/ Phương nào cứu đặng mau mau trị lãn/ Đứa ăn mày cũng trời sinh/ Bệnh còn cứu đặng, thuốc dành cho không" (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Rõ ràng tinh thần ấy có tiếp nhận nhưng đã đi xa hơn, cởi mở hơn những điều tâm niệm của nho gia. Ở Nguyễn Đình Chiểu, "nhân" thực sự gắn gũi với quan niệm xử thế theo tinh thần truyền thống tốt đẹp của người Việt xưa nay "thương người như thể thương thân".

Với Nguyễn Đình Chiểu "nhân" còn lại chủ yếu là tình thương yêu con người. Trong các tác phẩm của ông cụ thể là các nhân vật trong truyện Nôm, những người có tấm lòng yêu thương nhân hậu có thể là ông Quán, Kỳ Nhân sư... Họ đều giống nhau ở tấm lòng ưu ái, yêu thương, quý trọng, cứu mang con người không hề mảy may vụ lợi. Ngược lại, kẻ nào giẫm đạp lên lòng nhân, trá trở trong tình người, ông kịch liệt lên án. Trong tác phẩm "Lục Vân Tiên", những kẻ đó là Trịnh Hâm, Bùi Kiệm, Võ Công, Võ Thể Loan... Chúng bị Nguyễn Đình Chiểu không tiếc lời nguyên rủa và đều có kết cục tệt hại xứng đáng với tội ác của chúng. Ông kết luận: "Thấy vậy nên dừng dừng/ Làm người ai nấy thì đừng bắt nhân" (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). "Nhân" đối lập với nó là "bất nhân" mới là sự khái quát tính chân thực từ cuộc sống mà Nguyễn Đình Chiểu từng trải nghiệm. Nguyễn Đình Chiểu biết chọn một thái độ sống rõ ràng, dứt khoát, đứng về lẽ phải trong đạo làm người mà ông đã hấp thu tinh hoa từ chính cuộc sống. Bởi vậy, khi Khổng Tử dạy nhà nho: "Chỉ người có đức nhân mới biết yêu thương, biết ghét người" (Duy nhân giả năng hiếu nhân, năng ố nhân) (Trần Đình Hượu, 1996, tr.74), thì Nguyễn Đình Chiểu thể hiện điều này qua nhân vật ông Quán với thái độ "Vi chưng hay ghét cũng là hay thương". Nhưng chữ "ghét" của ông Quán ở đây mới bộc lộ được cách tiếp cận, xử lí chữ "nhân" của Nguyễn Đình Chiểu. Tất cả những đối tượng mà ông Quán "ghét" chính là những kẻ mắc một cái tội chung: làm hại dân. Vậy thì khi quan niệm "nhân", Nguyễn Đình Chiểu đã chọn cho mình từ phía người dân, bảo vệ quyền lợi cho nhân dân.

Từ quan niệm yêu thương con người đến tấm lòng thương dân, Nguyễn Đình Chiểu vừa chọn lọc, vừa mở rộng, phát triển những khía cạnh tích cực ở các phạm trù tư tưởng Nho giáo trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Khi đất nước bị ngoại xâm, tiếng nói của Nguyễn Đình Chiểu vọng lên từ tác phẩm là tấm lòng đau đớn, xót xa trước những đau thương mất mát của nhân dân. Trong "Văn tế nghĩa sĩ trận vong Lục tỉnh" ông viết: "...Trải qua mấy năm chầy khốn khó, bị khảo, bị tù, bị đày, bị giết, trẻ già nghe nào xiết đến tên; đem ba tấc hơi mọn bỏ liểu hoặc sông, hoặc biển, hoặc núi, hoặc rừng, quen lạ thấy đều rơi nước mắt. Khá thương thay! Dân sa nước lửa chầy ngày, giặc ép mỡ dầu hết sức". Khi khảo sát nội dung của tác phẩm, nếu xét ở tần số xuất hiện của khái niệm, "nhân" được đề cập ít hơn so với "nghĩa". Chẳng hạn truyện Nôm "Lục Vân Tiên" có 17 lần tác giả đề cập đến khái niệm "nghĩa". Trong lúc đó chỉ có 4 trường hợp nói đến "nhân".

Trở lại với tư tưởng Không - Mạnh, Khổng Tử không nói nhiều đến "nghĩa". Nhưng quan niệm về "nghĩa" của Khổng Tử có vài điểm đáng lưu ý. Thứ nhất, ông lấy "nghĩa" để phân biệt hai hạng người: Người quân tử và tiểu nhân. "Người quân tử hiểu rõ về nghĩa: kẻ tiểu nhân

hiểu rõ về lợi” (Quân tử dụ ư nghĩa; Tiểu nhân dụ ư lợi) (Nguyễn Hiến Lê, 1995, tr.17). Thứ hai, “nghĩa” có quan hệ mật thiết với “dũng” – một luận điểm đáng chú ý và được nhiều nhà nho nhắc nhở: “Thấy việc nghĩa mà không làm là không có dũng vậy”. Nguyễn Đình Chiểu đã nêu lại tinh thần này trong hai câu thơ: “Nhớ câu kiến ngãi bất vi/ Làm người thế ấy cũng phi anh hùng” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Nhưng trong tư tưởng nho giáo, khái niệm “nghĩa” được đề cập nhiều và phát triển hoàn chỉnh là do Mạnh Tử. Điểm đáng chú ý ở Mạnh Tử là nhấn mạnh “nghĩa” trong việc trau dồi phẩm chất, giữ gìn khí tiết của người quân tử. “Kể sĩ lúc cùng chẳng mất nghĩa; Khi đạt chẳng rời đạo. Lúc cùng chẳng mất nghĩa, nhân đó kẻ sĩ giữ được cái tiết tháo trong sạch của mình. Lúc đạt chẳng rời đạo, nhân đó dân chúng nhờ cậy mình mà chẳng thất vọng” (Mạnh Tử, 1996, tr.222-223).

Nguyễn Đình Chiểu đã kế thừa những tư tưởng cốt lõi trên đây của Khổng-Mạnh. Các sáng tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu thường sử dụng kết hợp khái niệm “nhân nghĩa”. Nhưng biểu hiện tập trung của Nguyễn Đình Chiểu về quan niệm “nhân nghĩa” cho thấy một cách hiểu giản dị, một cách vận dụng linh hoạt và uyển chuyển. “Nhân nghĩa” được nói đến như là phẩm chất đạo đức cao đẹp cần có ở mọi con người, điều này được nhấn mạnh trên phương diện tình cảm, trong mối quan hệ ứng xử giữa con người với con người. Tuy nhiên, những quan hệ này không đợi đến khi có Nho giáo mới được đặt ra. Cho nên, đọc “Lục Vân Tiên”, khi đề cập đến “nghĩa”, “nhân nghĩa”, các nhân vật từ suy nghĩ đến hành động đều thể hiện một cách tự nhiên, giản dị, đôi khi chân thành đến hồn nhiên tình cảm của họ. Lục Vân Tiên khi đánh cướp để cứu Kiều Nguyệt Nga, đã đáp lại tấm lòng tri ân của nàng bằng câu trả lời mộc mạc: “Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài/ Nào ai chịu lấy của ai làm gì” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Còn Ngư ông được Vân Tiên trong cơn hoạn nạn cứu giúp đã coi đó là lẽ tự nhiên trong tình cảm con người: “Ngư rằng: lòng lão chẳng mơ/ Dốc lòng như nghĩa há chờ trả ơn? (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Tình bạn Vân Tiên – Tử Trực – Hớn Minh vẫn lấy nghĩa làm đầu. Đến tình yêu giữa Kiều Nguyệt Nga và Lục Vân Tiên vẫn là sự trọn vẹn của tình và nghĩa... Rõ ràng, phạm trù của “nghĩa” hay “nhân nghĩa” được mở rộng ra ngoài khuôn khổ của Nho giáo. Bước phát triển này chính là quá trình đưa nho giáo hòa nhập vào hệ thống tư tưởng đạo đức truyền thống của dân tộc, những đức tính này được nảy sinh và phát huy mạnh mẽ trên cái nền của văn hóa Nam bộ. Ngôi bút đạo lí của nhà nho đã bắt gặp một môi trường thuận lợi ở đây – nơi mà con người đã mạnh dạn vứt bỏ cái gánh nặng của quá khứ với bao khuôn phép gò bó, bao quan niệm hẹp hòi tạo ra một phong cách sống tự do, phóng khoáng hơn; đồng thời lại có khuynh hướng bảo tồn những nét tích cực trong nền đạo lí giàu tính nhân ái của dân tộc. Khái niệm “nghĩa” mà nội dung nghiêng về khuynh hướng tình cảm hay đề cao tinh thần nghĩa hiệp được nảy sinh trong một môi trường như vậy. Và trong sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu, dù ông có sử dụng lại khái niệm “nghĩa” vốn có của Nho giáo thì nội dung cũng đã được khúc xạ theo khuynh hướng này. Cho nên, chàng nho sinh Lục Vân Tiên, khi bắt gặp gặp cướp, đã hành động ngay để cứu người, đó chính là việc nghĩa: “Vân Tiên nổi giận lôi đình/ Hỏi thăm lũ nó còn đình nơi nao?/ Tôi xin ra sức anh hào/ Cứu người cho khỏi lao đao buổi này” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Ngay sau hành động này, Lục Vân Tiên đã có hai lần nhắc đến “nghĩa”, đây là bằng chứng về hành động vì nghĩa này: “Nhớ câu kiến ngãi bất vi” và “Nhớ câu trọng nghĩa khinh tài/ Nào ai chịu lấy của ai làm gì”.

Như vậy, nội dung khái niệm “nghĩa” trong kinh điển và theo tinh thần Nho giáo càng phát triển về sau càng gắn chặt với ý thức trách nhiệm, là bổn phận của con người trong các mối quan hệ được quy định theo “cương thường” khi đi vào tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu được nhấn mạnh chủ yếu ở nội dung tình cảm, nói đến tình nghĩa hơn là trách nhiệm phải theo đạo nghĩa. Đến đây, gặp gỡ và hòa nhập với quan niệm đạo đức trong đời sống nhân dân, đặc biệt là người nông dân Nam bộ. Cho nên, đọc truyện “Lục Vân Tiên”, gặp nhiều trường hợp tác giả triết lí về “nghĩa” mà phảng phất như là những lời tâm tình, nhắc nhở mộc mạc, ân tình của những người dân đi khai khẩn mảnh đất phương nam: “Làm người cho biết

ngãi sâu/ Gặp cơn hoạn nạn cùng nhau cho tròn”; “Xưa còn thương kẻ mắc nàn/ Huống nay ai nữ quên đàng ngãi nơn” (Nguyễn Đình Chiểu, 2016). Những điều trên cho thấy mối quan hệ giữa tư tưởng Nho giáo được Nguyễn Đình Chiểu vận dụng vào trong sáng tác của ông với những quan niệm tư tưởng đạo đức của nhân dân thật gần gũi và thân thiết.

Tiếp tục tìm hiểu, quan niệm về “nghĩa” ở Nguyễn Đình Chiểu còn được phát triển theo suốt quá trình sáng tác của ông. Trong các tác phẩm được ông sáng tác kể từ khi thực dân Pháp xâm lược (1858), khái niệm “nghĩa” được nhà thơ sử dụng như là biểu tượng cho đạo lí thiêng liêng của mọi người khi đất nước bị xâm lược. Từ nền tảng đạo nghĩa đã nói trên đây, Nguyễn Đình Chiểu đã bổ sung vào đó những giá trị vốn có trong tinh thần truyền thống dân tộc là lòng yêu nước, ý chí kiên quyết bảo vệ nền độc lập, làm cho nội dung “nghĩa” mang một giá trị mới. Giá trị đó trở thành tiêu chuẩn phẩm chất cho mọi người, mọi hoạt động đang diễn ra trong hoàn cảnh lịch sử đặc biệt. Vì vậy, trong tác phẩm của nhà thơ giai đoạn này, những người đứng lên chống ngoại xâm, ông gọi đó là những “nghĩa sĩ”, là người “mến nghĩa”, hay “nghĩa dân”. Ngọn cờ chống giặc ngoại xâm “cờ phướn nghĩa”, “cờ ứng nghĩa”, tiếng trống dục giã chiến đấu là tiếng “trống nghĩa” và lấy đó để nhắc nhở mọi người về tình yêu quê hương đất nước: “Vật nghĩa còn cứu nhà nước cũ/ Làm người bao nữ phụ quê hương”. Nguyễn Đình Chiểu đã gắn bó, hòa nhập cùng nhân dân, thấu hiểu sâu sắc những tâm tư tình cảm của họ cho nên đã sáng tạo nên được những hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm của mình. Nói cách khác, giữa tư tưởng nhà nho ở Nguyễn Đình Chiểu và tư tưởng nhân dân lúc bấy giờ có sự cộng hưởng tích cực và dẫn đến kết quả là sự đồng cảm sâu sắc, mãnh liệt – nhân tố quyết định cho thành công và chất lượng của sáng tác. Bởi vì, nếu nói đến tinh thần yêu nước, ý chí quật cường trong đấu tranh chống ngoại xâm, thì thơ văn của nhiều nhà nho Nam bộ riêng và cả nước nói chung trong giai đoạn này không thiếu. Nhưng chính nhờ sự thâm nhập và kết tinh những giá trị tốt đẹp của nhân dân mà tư tưởng Nho giáo ở Nguyễn Đình Chiểu luôn luôn có sự vận động không ngừng. Trong những điều kiện nhất định đã vượt ra ngoài khuôn khổ Nho giáo. Nội dung của khái niệm “nghĩa” trong sáng tác của ông là một trường hợp tiêu biểu.

4. Kết luận

Nguyễn Đình Chiểu là người mở đầu cho giai đoạn văn học nửa cuối thế kỉ XIX, là nhà thơ tiêu biểu nhất cho dòng văn học yêu nước chống Pháp. Tên tuổi của ông tượng trưng cho lòng yêu nước Việt Nam giai đoạn nửa cuối thế kỉ XIX, đặc biệt là tượng trưng cho lòng yêu nước của nhân dân miền Nam. Thơ văn của ông là “những trang bất hủ ca ngợi cuộc chiến đấu oanh liệt của nhân dân ta chống bọn xâm lược phương Tây ngay buổi đầu chúng đặt chân lên đất nước ta” (Phạm Văn Đồng, Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trên bầu trời văn nghệ dân tộc). Qua những trang văn của đồ Chiểu, người đọc không chỉ cảm nhận được tinh thần yêu nước của ông mà còn thấy được những tư tưởng của một nhà nho cả cuộc đời luôn chèo lái con thuyền “chở đạo đằm gian”, sống giàu nhân nghĩa, một cuộc đời “tàn nhưng khổng phể”. Có lẽ chính vì vậy, dù nhiều thế kỉ đã qua đi nhưng những tư tưởng mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm trong thơ văn của mình cho đến giờ vẫn còn nguyên giá trị.

Tài liệu tham khảo

- Trịnh Hoài Đức. (2019). *Gia Định thành thông chí* (Phạm Hoàng Quân (Dịch, chú và khảo chứng). Nxb Tổng hợp. TP Hồ Chí Minh.
- Trần Đình Hượu. (1996). *Đến hiện đại từ truyền thống*. Nxb Văn hóa thông tin. Hà Nội.
- Vũ Khiêu, Nguyễn Đức Sự. (1982). *Nguyễn Đình Chiểu – Ngôi sao sáng của người trí thức Việt Nam*. Nxb Khoa học Xã hội. Hà Nội.
- Nguyễn Hiến Lê. (Dịch, chú giải). (1995). *Luận ngữ*. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Nguyễn Đình Chiểu. (2016). *Tuyển tập Nguyễn Đình Chiểu*. Nxb Văn học. Hà Nội.
- Mạnh Tử. (1996). *Tập hạ* (dịch giả: Đoàn Trung Còn). Nxb Thuận Hóa. Thừa Thiên Huế.